

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

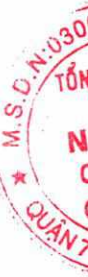
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 49



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên
Ông La Văn Tốt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lệ	Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Số: 196/2024/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 26/8/2024, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.538.364.557.215	1.443.258.436.275
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	78.550.215.361	129.667.196.220
1. Tiền	111		55.550.215.361	58.567.196.220
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	71.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	10.000.000.000	9.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	9.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		798.059.334.572	761.052.026.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	579.523.784.363	551.855.411.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	105.224.049.170	110.479.959.728
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	115.526.091.392	100.655.989.217
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(2.214.590.353)	(1.939.333.302)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	563.716.314.494	456.603.648.316
1. Hàng tồn kho	141		563.944.251.155	456.831.584.977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(227.936.661)	(227.936.661)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.038.692.788	86.935.564.769
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	10.190.490.790	10.953.109.367
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.519.923.333	70.232.476.102
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	7.328.278.665	5.749.979.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		447.804.469.996	428.505.512.110
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.241.265.469	27.348.275.128
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	27.241.265.469	27.348.275.128
II. Tài sản cố định	220		141.466.383.103	151.379.016.360
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	133.491.762.615	142.437.689.646
- Nguyên giá	222		728.066.080.977	738.072.805.898
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(594.574.318.362)	(595.635.116.252)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.974.620.488	8.941.326.714
- Nguyên giá	228		42.766.818.863	42.766.818.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.792.198.375)	(33.825.492.149)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49.959.220.239	21.376.922.573
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	49.959.220.239	21.376.922.573
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	195.716.895.555	196.716.895.555
1. Đầu tư vào Công ty con	251		113.985.268.520	113.985.268.520
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		96.466.920.657	96.466.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.256.863.385	32.256.863.385
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(45.992.157.007)	(45.992.157.007)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.420.705.630	31.684.402.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	33.420.705.630	31.684.402.494
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.986.169.027.211	1.871.763.948.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.567.353.527.787	1.481.208.427.455
I. Nợ ngắn hạn	310		1.501.583.959.314	1.430.989.787.714
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	244.118.771.150	192.212.898.337
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	25.703.363.076	15.566.830.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	3.427.772.579	5.523.453.084
4. Phải trả người lao động	314		27.847.265.571	73.342.693.014
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	63.424.225.040	40.384.857.888
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.348.527.282	23.964.660.261
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	21.160.615.983	18.040.097.013
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.088.099.588.785	1.040.791.631.950
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		26.453.829.848	21.162.665.725
II. Nợ dài hạn	330		65.769.568.473	50.218.639.741
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	25.950.631.842	26.331.974.514
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	10.044.277.700	10.623.277.700
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	29.774.658.931	13.263.387.527
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		418.815.499.424	390.555.520.930
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	418.815.499.424	390.555.520.930
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	191.100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>200.000.000.000</i>	<i>191.100.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.642.229.475	43.093.933.885
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		173.173.269.949	156.361.587.045
- <i>LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>144.639.427.332</i>	<i>105.395.675.253</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>28.533.842.617</i>	<i>50.965.911.792</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.986.169.027.211	1.871.763.948.385

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu





Đặng Minh Tuyên

Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.207.736.104.228	1.099.378.824.301
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.480.020.367	4.575.530.908
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	1.205.256.083.861	1.094.803.293.393
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	977.970.644.777	908.669.565.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		227.285.439.084	186.133.728.185
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	32.899.631.833	37.590.993.086
7. Chi phí tài chính	22	6.6	32.996.817.483	28.918.059.266
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.219.383.007</i>	<i>24.219.538.044</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	103.772.697.157	74.565.464.750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	95.827.741.222	89.297.270.298
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		27.587.815.055	30.943.926.957
11. Thu nhập khác	31	6.9	4.787.721.480	3.776.157.515
12. Chi phí khác	32	6.9	63.448.155	48.649.305
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.9	4.724.273.325	3.727.508.210
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		32.312.088.380	34.671.435.167
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	3.778.245.763	4.358.039.293
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		28.533.842.617	30.313.395.874

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

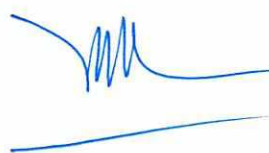
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu



Đặng Minh Tuyền



Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.312.088.380	34.671.435.167
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		18.158.625.916	17.606.548.961
- Các khoản dự phòng	03		275.257.051	361.057.408
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.979.244.061)	(18.162.928.617)
- Chi phí lãi vay	06		21.219.383.007	24.219.538.044
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.986.110.293	58.695.650.963
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.037.657.954)	176.312.222.069
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(107.112.666.178)	58.779.263.862
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.464.951.006	(142.197.030.492)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(973.684.559)	(8.437.440.698)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.096.125.447)	(24.180.158.673)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.354.241.128)	(10.504.842.817)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	60.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.882.700.000)	(3.908.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(93.006.013.967)	104.618.764.214
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36.828.290.325)	(13.465.534.372)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		961.548.891	131.579.116
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.550.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.036.546.303	20.233.988.910
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.830.195.131)	1.350.033.654
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		8.900.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.109.063.220.650	894.673.318.224
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.045.243.992.411)	(1.069.482.614.774)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(162.402.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.719.228.239	(174.971.699.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(51.116.980.859)	(69.002.901.182)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	129.667.196.220	193.935.099.442
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	78.550.215.361	124.932.198.260

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyền

Nguyễn Ngọc Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/6/2024: 3.069 người (tại ngày 31/12/2023 là: 3.009 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Cụm Công nghiệp Trung An, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105 đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm Công nghiệp Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204 đường Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Số 68, Đường Nguyễn Khuyến, KP1, thị trấn Vỡ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	26,54%	26,54%	26,54%
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%	47,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	04 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%	45,90%
Công ty Cổ phần May 9	Số 215, Đường Hàng Thao, phường Ngô Quyền, thành Phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Số 04, Đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%	28,58%
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90, Đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh máy móc thiết bị	40,98%	40,98%	40,98%
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	04 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%
Các đơn vị trực thuộc		Địa chỉ			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát		Lô số 1, Khu công nghiệp dệt may Bình An, khu phố Ngãi Thẳng, phường Bình Thẳng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc		Số 54, Đường Phạm Ngọc Thạch, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum		Km3, Quốc lộ 14, phường Lê Lợi, thành phố KonTum, tỉnh KonTum.			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định		Số 105 đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc		Số 02, Ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội		Số 2, ngách 61/4, phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.			
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh		2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 30/6/2024.
- (ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 30/6/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí tư vấn, đào tạo, quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong kỳ, có 765.809.411 đồng (kỳ trước: 0 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí lãi vay phải trả và chi phí khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng và dịch vụ đi kèm).

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	7.810.365.172	8.488.466.416
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.739.850.189	50.078.729.804
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	71.100.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>23.000.000.000</i>	<i>71.100.000.000</i>
Tổng	78.550.215.361	129.667.196.220

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 2,1%/năm đến 5,5%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Tổng	10.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 9,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào Công ty con			113.985.268.520		(15.300.000.000)	113.985.268.520		(15.300.000.000)
1	Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	27.782.000.000	(i)	-	27.782.000.000	(i)	-
2	Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	17.850.000.000	(i)	-	17.850.000.000	(i)	-
3	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)
4	Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	25.500.000.000	(i)	-	25.500.000.000	(i)	-
5	Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	11.535.620.000	(i)	-	11.535.620.000	(i)	-
6	Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	10.200.000.000	(i)	-	10.200.000.000	(i)	-
7	Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	5.817.648.520	(i)	-	5.817.648.520	(i)	-
	Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			96.466.920.657		(30.556.694.277)	96.466.920.657		(30.556.694.277)
1	Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	26,54%	26,54%	17.250.000.000	(i)	-	17.250.000.000	(i)	-
2	Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000	(i)	-	15.360.000.000	(i)	-
3	Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)
4	Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	14.900.000.000	(i)	(4.997.599.392)	14.900.000.000	(i)	(4.997.599.392)
5	Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)
6	Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%	9.180.000.000	(i)	-	9.180.000.000	(i)	-
7	Công ty CP May 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657	(i)	(939.094.885)	5.227.920.657	(i)	(939.094.885)
8	Công ty Cổ phần NBC Logistics	28,58%	28,58%	3.429.000.000	(i)	-	3.429.000.000	(i)	-
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	5.000.000.000	(i)	-	5.000.000.000	(i)	-
10	Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000	(i)	-	1.500.000.000	(i)	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào đơn vị khác			31.256.863.385		(135.462.730)	32.256.863.385		(135.462.730)
1	Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)
2	Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	5.802.843.385	(i)	-	5.802.843.385	(i)	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (ii)	2,61%	2,61%	5.337.100.000		9.133.357.500	5.337.100.000	8.859.082.500	-
4	Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.250.000.000	(i)	-	5.250.000.000	(i)	-
5	Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%	4.225.000.000	(i)	-	4.225.000.000	(i)	-
6	Công ty CP Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	3.480.000.000	(i)	-	3.480.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè (iii)	0,00%	0,00%	-	(i)	-	1.000.000.000	(i)	-
	Tổng			241.709.052.562		(45.992.157.007)	242.709.052.562		(45.992.157.007)

- (i) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP căn cứ trên giá đóng cửa của cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2024.
- (iii) Trong kỳ, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè theo Quyết định số 29/2024/HĐQT ngày 22/06/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
BMB Clothing Group	30.818.619.682	31.669.081.456
FAM, LLC.	64.064.878.567	52.652.673.024
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam - Vinatex	495.248.226	481.357.195
Arcadia Group Brands Ltd.	7.289.297.014	7.289.297.014
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	34.406.715.436	32.751.585.276
Motives (Far East) Ltd.	47.662.122.607	58.334.961.836
H & M Hennes & Mauritz Shanghai Commercial Co Ltd	135.973.884	1.053.269.801
Punto FA,S.L	85.617.663.816	100.562.896.195
Công ty Cổ phần May Gia Lai	28.185.100.452	37.449.474.753
Phải thu các đối tượng khác	280.848.164.679	229.610.814.777
Tổng	579.523.784.363	551.855.411.327
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>145.648.293.501</i>	<i>129.571.072.401</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	15.854.515.262	16.592.838.171
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	6.088.797.788	8.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	66.658.813.784	63.340.523.665
Đối tượng khác	16.621.922.336	22.546.597.892
Tổng	105.224.049.170	110.479.959.728
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>89.710.493.596</i>	<i>88.867.458.376</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.5 Phải thu khác

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	115.526.091.392	(477.057.408)	100.655.989.217	(477.057.408)
Phải thu các Công ty con, công ty liên kết	71.273.669.851	-	69.030.437.571	-
Phải thu lãi tiền gửi	-	-	357.557.537	-
Phải thu cổ tức	9.991.445.808	-	2.310.003.086	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	3.079.441.760	-	2.108.715.618	-
Phải thu tạm ứng	8.102.638.432	-	7.882.216.472	-
Phải thu người lao động (i)	536.227.388	-	1.544.723.458	-
Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh (ii)	1.519.993.027	-	1.519.993.027	-
Ký quỹ, ký cược	415.476.000	-	181.476.000	-
Phải thu khác	20.607.199.126	(477.057.408)	15.720.866.448	(477.057.408)
Dài hạn	27.241.265.469	-	27.348.275.128	-
Phải thu các Công ty con, Công ty liên kết	25.530.555.553	-	25.530.555.553	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.710.709.916	-	1.817.719.575	-
Tổng	142.767.356.861	(477.057.408)	128.004.264.345	(477.057.408)
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>104.706.989.804</i>	<i>-</i>	<i>96.088.757.524</i>	<i>-</i>

- (i) Tiền ăn giữa ca tạm ứng trước cho người lao động.
(ii) Tổng Công ty chi hộ cho Công ty Cổ phần May Nhà Bè Đức Linh về dự án Đức Linh 2.

5.6 Nợ xấu

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.214.590.353	-	2.153.344.835	214.011.533
Công ty TNHH Asia Garment	713.371.775	-	713.371.775	214.011.533
Các đối tượng khác	1.501.218.578	-	1.439.973.060	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	5.719.658.664	6.557.971.914
Mua sắm phần mềm Centric Software	1.464.581.250	1.464.581.250
Mua sắm máy móc thiết bị	4.255.077.414	5.093.390.664
Sửa chữa tài sản cố định	44.239.561.575	14.818.950.659
Cải tạo, mở rộng nhà xưởng Xí nghiệp May KonTum	41.674.434.023	14.818.950.659
Thi công sửa chữa cải tạo văn phòng cho khách hàng KT Group	2.565.127.552	-
Tổng	49.959.220.239	21.376.922.573

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	250.621.079.725	384.714.472.654	98.104.475.416	4.632.778.103	738.072.805.898
Tăng trong kỳ	-	9.005.849.944	-	-	9.005.849.944
Mua trong kỳ	-	9.005.849.944	-	-	9.005.849.944
Giảm trong kỳ	-	(19.012.574.865)	-	-	(19.012.574.865)
Thanh lý nhượng bán	-	(19.012.574.865)	-	-	(19.012.574.865)
Số dư tại ngày 30/6/2024	250.621.079.725	374.707.747.733	98.104.475.416	4.632.778.103	728.066.080.977
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	189.820.845.825	319.044.508.582	82.645.877.153	4.123.884.692	595.635.116.252
Tăng trong kỳ	3.278.425.571	12.445.968.365	1.336.152.570	131.373.184	17.191.919.690
Khấu hao trong kỳ	3.278.425.571	12.445.968.365	1.336.152.570	131.373.184	17.191.919.690
Giảm trong kỳ	-	(18.252.717.580)	-	-	(18.252.717.580)
Thanh lý nhượng bán	-	(18.252.717.580)	-	-	(18.252.717.580)
Số dư tại ngày 30/6/2024	193.099.271.396	313.237.759.367	83.982.029.723	4.255.257.876	594.574.318.362
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	60.800.233.900	65.669.964.072	15.458.598.263	508.893.411	142.437.689.646
Tại ngày 30/6/2024	57.521.808.329	61.469.988.366	14.122.445.693	377.520.227	133.491.762.615

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024: 419.813.938.462 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 408.479.911.863 VND).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 20.825.086.002 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 23.463.751.025 VND).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	4.661.237.086	5.838.965.451	23.325.289.612	33.825.492.149
Tăng trong kỳ	193.478.227	-	773.227.999	966.706.226
Khấu hao trong kỳ	193.478.227	-	773.227.999	966.706.226
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2024	4.854.715.313	5.838.965.451	24.098.517.611	34.792.198.375
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	5.788.031.821	-	3.153.294.893	8.941.326.714
Tại ngày 30/6/2024	5.594.553.594	-	2.380.066.894	7.974.620.488

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 19.185.278.206 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 18.017.236.106 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần May Gia Lai	22.475.269.087	22.475.269.087	9.029.407.048	9.029.407.048
Công ty Cổ phần May Tam Quan	22.806.205.055	22.806.205.055	20.148.418.233	20.148.418.233
Motives (Far East) Ltd.	11.181.079.076	11.181.079.076	6.998.430.057	6.998.430.057
Motives International Pte. Ltd	26.897.849.672	26.897.849.672	-	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	734.402.175	734.402.175	8.804.289.268	8.804.289.268
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	8.108.552.630	8.108.552.630	9.070.392.855	9.070.392.855
Nhà cung cấp khác	151.915.413.455	151.915.413.455	138.161.960.876	138.161.960.876
Tổng	244.118.771.150	244.118.771.150	192.212.898.337	192.212.898.337
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>71.771.844.993</i>	<i>71.771.844.993</i>	<i>63.738.333.262</i>	<i>63.738.333.262</i>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	8.591.323.860	7.031.792.401
Grosso Moda Netherland B.V	1.436.966.843	1.436.966.843
Good U Co., Ltd	1.281.433.644	355.244.324
Newtimes Far East Development (HK) Ltd	34.186.400	34.186.400
Đối tượng khác	14.359.452.329	6.708.640.474
Tổng	25.703.363.076	15.566.830.442

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
Phải nộp	5.523.453.084	43.662.724.449	45.758.404.954	3.427.772.579
Thuế giá trị gia tăng	3.677.787.373	24.366.604.085	26.174.717.402	1.869.674.056
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.459.426.495	14.447.496.299	11.930.196
Thuế thu nhập cá nhân	929.729.236	3.115.938.293	2.703.752.563	1.341.914.966
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	302.020.320	237.607.834	539.628.154	-
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	613.916.155	1.470.147.742	1.879.810.536	204.253.361
Phải thu	5.749.979.300	3.778.245.763	5.356.545.128	7.328.278.665
Thuế xuất, nhập khẩu	1.720.079.605	-	2.304.000	1.722.383.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.870.504.039	3.778.245.763	5.354.241.128	5.446.499.404
Thuế thu nhập cá nhân	159.395.656	-	-	159.395.656

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8.381.360.428	11.398.907.056
Chi phí điện, nước, vận chuyển	8.345.605.440	6.986.922.568
Chi phí phải trả khác	46.697.259.172	21.999.028.264
Tổng	63.424.225.040	40.384.857.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.348.527.282	23.964.660.261
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.348.527.282	23.964.660.261
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	-	5.618.631.718
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước</i>	-	315.055.460
<i>Các đối tượng khác</i>	1.348.527.282	18.030.973.083
Dài hạn	25.950.631.842	26.331.974.514
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	25.950.631.842	26.331.974.514
<i>Công ty Cổ phần May Tam Quan</i>	3.169.932.814	3.218.559.076
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát</i>	5.444.299.777	5.530.007.107
<i>Công ty TNHH Delta Galil VN</i>	13.317.005.083	13.506.730.639
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ Wash HNC</i>	4.019.394.168	4.076.677.692
Tổng	27.299.159.124	50.296.634.775
<i>Trong đó, doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>3.169.932.814</i>	<i>3.218.559.076</i>

5.17 Phải trả khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	21.160.615.983	18.040.097.013
Phải trả lãi vay	-	854.207.051
Kinh phí công đoàn	2.759.139.437	2.733.133.740
Bảo hiểm xã hội	3.271.302.776	191.303.818
Bảo hiểm y tế	1.941.111.893	1.464.935.590
Bảo hiểm thất nghiệp	593.715.616	434.990.182
Phải trả khác	12.595.346.261	12.361.526.632
<i>Công ty Cổ phần May Gia Lai</i>	3.050.858.382	4.274.858.382
<i>Phải trả tiền thu hộ Công ty Cổ phần May Cửu Long</i>	1.174.114.171	1.174.114.171
<i>Phải trả tiền mượn Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè</i>	603.693.296	626.228.685
<i>Các đối tượng khác</i>	7.766.680.412	6.286.325.394
Dài hạn	10.044.277.700	10.623.277.700
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.044.277.700	10.623.277.700
Tổng	31.204.893.683	28.663.374.713
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.2)</i>	<i>5.656.096.894</i>	<i>6.898.884.489</i>

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.088.099.588.785	1.088.099.588.785	1.092.551.949.246	1.045.243.992.411	1.040.791.631.950	1.040.791.631.950
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.085.664.013.585</i>	<i>1.085.664.013.585</i>	<i>1.092.551.949.246</i>	<i>1.041.462.312.411</i>	<i>1.034.574.376.750</i>	<i>1.034.574.376.750</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	313.728.862.734	313.728.862.734	320.600.217.936	354.431.455.303	347.560.100.101	347.560.100.101
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	404.506.963.424	404.506.963.424	404.523.543.883	437.094.212.781	437.077.632.322	437.077.632.322
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	127.127.226.655	127.127.226.655	127.127.226.655	48.573.753.624	48.573.753.624	48.573.753.624
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	10.381.454.837	10.381.454.837	10.381.454.837	3.281.167.171	3.281.167.171	3.281.167.171
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (5)	218.445.939.135	218.445.939.135	218.445.939.135	198.081.723.532	198.081.723.532	198.081.723.532
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (6)	11.473.566.800	11.473.566.800	11.473.566.800	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.435.575.200	2.435.575.200	-	3.781.680.000	6.217.255.200	6.217.255.200
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (7)	1.763.575.200	1.763.575.200	-	3.109.680.000	4.873.255.200	4.873.255.200
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (8)	672.000.000	672.000.000	-	672.000.000	1.344.000.000	1.344.000.000
b) Vay dài hạn	29.774.658.931	29.774.658.931	16.511.271.404	-	13.263.387.527	13.263.387.527
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (9)	28.462.658.931	28.462.658.931	16.511.271.404	-	11.951.387.527	11.951.387.527
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (8)	1.312.000.000	1.312.000.000	-	-	1.312.000.000	1.312.000.000
Tổng	1.117.874.247.716	1.117.874.247.716	1.109.063.220.650	1.045.243.992.411	1.054.055.019.477	1.054.055.019.477

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:**

Số hợp đồng: Hợp đồng sửa đổi, bổ sung 0053/2328/N-CTD-SD1 ngày 15/5/2024
Hạn mức vay: 464.255.000.000 VND hoặc USD tương đương (trong đó: 450.000.000.000 VND đối với khoản vay ngắn hạn, 14.255.000.000 VND đối với khoản vay trung và 9.255.000.000 VND dài hạn), đã bao gồm cả dư nợ còn lại theo hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 0026/1928/T-TL/01 ngày 21/8/2019;
Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/8/2024;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: + Đối với khoản vay ngắn hạn: Vay không có tài sản đảm bảo
+ Đối với khoản vay trung và dài hạn: Thế chấp tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, tỷ lệ bảo đảm 100% số dư cấp bảo lãnh trung dài hạn tại mọi thời điểm;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2024: 313.728.862.734 VND

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 21/4/2023;
Hạn mức vay: 600.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022/HĐCVHM/NHCT908-NBC ngày 21/4/2022;
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 31/5/2024. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay: không quá 9 tháng;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận; Lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
Biện pháp đảm bảo: Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 tài trợ;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2024: 404.506.963.424 VND.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.5155.230524 ngày 30/5/2024;
Hạn mức vay: 195.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, trong đó hạn mức bảo lãnh trong nước: 5.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương), hạn mức tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng: 190.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương);
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bắt đầu từ ngày 30/5/2024;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2024: 127.127.226.655 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 10/2023/HĐTD-HM/TTKD ngày 02/06/2023;
 Hạn mức vay: 10.000.000 USD hoặc VND tương đương;
 Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng HĐTDHM;
 Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: theo từng khế ước nhận nợ; lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ ngày thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/ năm (đối với đồng tiền cho vay là VND) và 5%/ năm (đối với đồng tiền cho vay là USD)
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng;
 Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
 Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2024: 10.381.454.837 VND

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2:

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 212649.24.103.773157.TD ngày 22/05/2024;
 Hạn mức vay: Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 VND gồm hạn mức bảo lãnh thanh toán là 200.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000 VND;
 Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 15/5/2025;
 Lãi suất vay: Lãi suất. trong hạn: theo từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm;
 Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng;
 Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
 Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2024: 218.445.939.135 VND.

(6) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 2484787.24 ngày 06/03/2024;
 Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
 Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng; sẽ xem xét việc cấp lại hạn mức tín dụng định kỳ hàng năm;
 Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân và sẽ được thông báo cụ thể trên từng đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ;
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
 Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2024: 11.473.566.800 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

(7.1) Hợp đồng vay dài hạn số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27/02/2014 và hợp đồng vay dài hạn số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06/10/2014

Hạn mức vay: Hợp đồng số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27/02/2014: 18.072.753.342 VND.

Hợp đồng số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06/10/2014: 5.690.000 USD;

Thời hạn duy trì
hạn mức: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;

Lãi suất vay: Lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm;

Mục đích vay: Thanh toán các chi phí của dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị;

Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản bằng hợp đồng thế chấp bằng chính tài sản được hình thành từ vốn vay;

(7.2) Hợp đồng bao thanh toán chuyên biệt theo hạn mức số 0026/1928/T-TL/01 ngày 21/8/2019

Hạn mức vay: 26.640.000.000 VND, nhưng không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của phương án đầu tư;

Thời hạn duy trì
hạn mức: Thời hạn Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng đồng Đô-la Mỹ (USD) đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2019. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân vốn vay lần đầu;

Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ: 3,3%/năm với đồng Việt Nam (VND), 3,8%/năm với đồng Đô-la Mỹ (USD), lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 (ba) tháng/lần kể từ Ngày giải ngân vốn vay lần đầu;

Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà Khách hàng đã thanh toán chi phí cho phương án đầu tư vượt phần vốn tự có tối thiểu phải tham gia theo phê duyệt của Ngân hàng;

Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị mới hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc phương án đầu tư theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0063/1928/TCDN1 ngày 21/8/2019. Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 13/5/2020 về việc duy trì Hạn mức Bao thanh toán Chuyên biệt đến hết ngày 16/8/2020;

Số dư nợ gốc vay
tại ngày 30/6/2024: Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2024: 1.763.575.200 VND.

Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 1.763.575.200 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(8) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 40318/20/HĐTD ngày 24/11/2022;

Hạn mức vay: Hạn mức cho vay không vượt quá 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó:
+ Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND;
+ Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ ngắn hạn;
36 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ dài hạn;

Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2024: Số dư nợ gốc vay tại 30/6/2024: 1.984.000.000 VND.
Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 672.000.000 VND.

(9) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 - TCT NBC_KONTUM;

Hạn mức vay: 46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;

Thời hạn duy trì hạn mức: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;

Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;

Mục đích vay: Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;

Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm:
Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;
Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS_HĐTD/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2024: 28.462.658.931 VND;

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	191.100.000.000	39.069.510.820	146.633.992.552	376.803.503.372
Lãi trong năm trước	-	-	50.965.911.792	50.965.911.792
Chia cổ tức năm 2022	-	-	(38.220.000.000)	(38.220.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ LNST năm 2022	-	4.024.423.065	(4.024.423.065)	-
Hoàn nhập Quỹ khen thưởng phúc lợi do trích thừa	-	-	1.006.105.766	1.006.105.766
Số dư tại ngày 31/12/2023	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
Số dư tại ngày 01/01/2024	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
Tăng vốn trong kỳ (i)	8.900.000.000	-	-	8.900.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	28.533.842.617	28.533.842.617
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ (ii)	-	2.548.295.590	(2.548.295.590)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	(7.644.886.769)	(7.644.886.769)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (ii)	-	-	(1.528.977.354)	(1.528.977.354)
Số dư tại ngày 30/6/2024	200.000.000.000	45.642.229.475	173.173.269.949	418.815.499.424

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp tục)

Tổng Công ty tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2024/ĐHĐCĐ ngày 01/3/2024, Nghị quyết số 13/2024/HĐQT ngày 05/4/2024 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng Công ty. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 890.000 cổ phiếu, giá phát hành 10.000 VND/ cổ phiếu, tương ứng vốn điều lệ tăng thêm 8.900.000.000 VND, ngày hoàn thành đợt phát hành: 20/6/2024. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Trong kỳ, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2024 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế	2.548.295.590
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 15% lợi nhuận sau thuế	7.644.886.769
• Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế	1.528.977.354

Tổng Công ty chưa ghi nhận cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024 do chưa có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
	%		tính theo mệnh giá VND	%		tính theo mệnh giá VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	25,20%	5.040.000	50.400.000.000	26,37%	5.040.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	24,39%	4.878.706	48.787.060.000	25,53%	4.878.706	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	8,47%	1.694.720	16.947.200.000	8,82%	1.684.720	16.847.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,10%	1.420.000	14.200.000.000	7,43%	1.420.000	14.200.000.000
Cổ đông khác	34,83%	6.966.574	69.665.740.000	31,85%	6.086.574	60.865.740.000
Tổng	100%	20.000.000	200.000.000.000	100%	19.110.000	191.100.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	191.100.000.000	191.100.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	8.900.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	200.000.000.000	191.100.000.000
Cổ tức đã chia	-	38.220.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	19.110.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	20.000.000	19.110.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	19.110.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	19.110.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	19.110.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu***e. Các quỹ doanh nghiệp**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	45.642.229.475	43.093.933.885
Tổng	45.642.229.475	43.093.933.885

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Arcadia Group Ltd.	5.422.598.682	5.422.598.682
Tổng	12.046.158.442	12.046.158.442

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
USD	692.941,40	821.301,49
EUR	7.272,07	10.277,49

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.193.256.296.917	1.086.058.015.996
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.479.807.311	13.320.808.305
Tổng	1.207.736.104.228	1.099.378.824.301
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>123.660.827.206</i>	<i>120.848.725.865</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giảm giá hàng bán	1.256.587.075	2.049.212.955
Hàng bán bị trả lại	1.223.433.292	2.526.317.953
Tổng	2.480.020.367	4.575.530.908

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.190.776.276.550	1.081.482.485.088
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.479.807.311	13.320.808.305
Tổng	1.205.256.083.861	1.094.803.293.393

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	975.138.657.587	905.524.984.259
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.831.987.190	3.144.580.949
Tổng	977.970.644.777	908.669.565.208

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	2.262.480.455	3.474.724.501
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.547.900.000	14.556.625.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.089.251.378	19.559.643.585
Tổng	32.899.631.833	37.590.993.086
<i>Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>13.999.350.000</i>	<i>12.802.350.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	21.219.383.007	24.219.538.044
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	11.600.681.483	3.942.223.615
Chiết khấu thanh toán	176.752.993	756.297.607
Tổng	32.996.817.483	28.918.059.266

6.7 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	16.015.660.689	16.198.931.456
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.288.548.860	1.811.161.080
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	166.318.779	163.828.522
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.305.881.677	1.465.424.922
Thuế, phí, lệ phí	47.249.180	25.184.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.994.199.355	50.916.109.616
<i>Chi phí hoa hồng</i>	<i>22.353.887.747</i>	<i>18.874.552.365</i>
<i>Chi phí xuất khẩu</i>	<i>41.473.198.046</i>	<i>18.694.201.188</i>
<i>Chi phí thuê mặt bằng, thuê kho</i>	<i>6.714.823.887</i>	<i>7.039.175.064</i>
<i>Chi phí quảng cáo</i>	<i>4.408.625.721</i>	<i>3.309.640.359</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>4.043.663.954</i>	<i>2.998.540.640</i>
Chi phí bằng tiền khác	4.954.838.617	3.984.825.095
Tổng	103.772.697.157	74.565.464.750

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	59.367.519.712	55.951.031.538
Chi phí vật liệu quản lý	3.631.396.393	3.187.402.803
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.318.056.495	504.734.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.199.476.913	6.344.887.974
Thuế phí và lệ phí	414.590.897	1.037.856.816
Chi phí dự phòng	275.257.051	361.057.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.140.612.692	11.351.775.499
Chi phí bằng tiền khác	6.480.831.069	10.558.523.947
Tổng	95.827.741.222	89.297.270.298

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.9 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác	4.787.721.480	3.776.157.515
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	168.863.606	131.579.116
Thu nhập do xử lý công nợ	-	48.397
Thu nhập khác	4.618.857.874	3.644.530.002
Chi phí khác	63.448.155	48.649.305
Các khoản phạt	55.178.585	8.483.895
Khác	8.269.570	40.165.410
Lợi nhuận thuần khác	4.724.273.325	3.727.508.210

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	572.399.090.543	463.403.441.483
Chi phí nhân công	190.421.356.477	211.744.826.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.158.625.916	17.606.548.961
Chi phí dự phòng	275.257.051	361.057.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	410.160.382.339	321.216.316.513
Chi phí khác bằng tiền	12.835.610.937	17.975.065.977
Tổng	1.204.250.323.263	1.032.307.256.572

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.312.088.380	34.671.435.167
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	1.127.040.433	1.675.386.298
Chi phí không được trừ	820.797.512	1.415.838.067
Chi phí khấu hao vượt định mức	251.064.336	251.064.336
Các khoản phạt	55.178.585	8.483.895
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(14.547.900.000)	(14.556.625.000)
Thu nhập từ nhận cổ tức	(14.547.900.000)	(14.556.625.000)
Thu nhập chịu thuế	18.891.228.813	21.790.196.465
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.778.245.763	4.358.039.293

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

7.2 Thông tin về bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
8	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	306.000.000	318.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	108.000.000	108.000.000
Ban Điều hành	Lương, thưởng	4.362.460.030	3.277.958.351
Tổng		4.776.460.030	3.703.958.351

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch mua hàng và dịch vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kê toán	Cho kỳ kê toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Dịch vụ gia công	11.167.385.641	1.098.015.612
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	9.148.424.973	3.430.801.900
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Hoa hồng	91.918.749	132.237.616
		Dịch vụ gia công	54.982.625.772	47.185.645.026
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Thuê máy móc	1.522.950.000	-
		Dịch vụ gia công	35.112.759.664	39.535.843.820
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Dịch vụ khác	805.555.554	402.272.727
		Thiết bị	-	134.090.909
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	58.944.661.963	30.617.930.411
		Hàng hoá dịch vụ khác	139.972.500	-
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Dịch vụ vận chuyển	16.073.512.637	13.805.124.872
		Thiết bị	-	4.608.343.591
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	6.232.387.844	4.871.854.932
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	26.878.709.354	28.084.686.365
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	37.841.967.387	22.525.183.257
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	19.936.035.406	16.622.369.527
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	14.014.436.256	33.762.934.778
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị, công cụ dụng cụ	3.587.153.950	1.576.743.380
Tổng			297.194.695.474	248.469.472.793

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.331.965
		Tiền thuê nhà	158.574.108	158.574.108
		Điện, ăn, nước, thuê máy	7.281.730	5.979.346
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Bán quần áo	268.647.540	387.074.546
		Bán hàng hóa, dịch vụ	26.337.799	79.710.454
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Quần áo	68.716.597.958	61.452.692.756
		Điện, ăn, nước, thuê máy	25.340.000	196.636.300
		Tiền thuê nhà	24.765.000	8.540.000
		Khác	-	184.176.300
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo	12.598.595.369	16.592.197.458
		Điện, ăn, nước, thuê máy	507.821.132	79.768.176
		Khác	-	77.060.410
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	450.320.330	14.287.091
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	900.000.000	900.000.000
		Khác	-	5.000.016
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	531.711.411	116.998.053
		Bán quần áo	27.911.111	3.216.818
		Tiền thuê nhà	263.980.961	268.894.708
		Chi phí xuất nhập khẩu	965.591.227	917.623.104
		Khác	474.918.040	717.563.326
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Khác	7.150.000	18.980.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	64.291.368	68.613.159
		Khác	-	931.807
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Quần áo	1.906.324.401	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	134.022.745	21.680.000
		Khác	14.196.366	15.323.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Quần áo	33.935.968.328	36.599.341.784
		Điện, ăn, nước, thuê máy	487.676.599	346.693.554
		Nguyên phụ liệu	310.252.282	1.632.749.960
		Khác	77.349.200	(410.190.100)
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Bán quần áo	3.500.000	6.071.083
		Điện, ăn, nước, thuê máy	9.052.250	36.511.590
		Bán hàng hóa, dịch vụ khác	164.150.694	20.250.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	45.331.521	17.810.082
		Tiền thuê nhà	356.780.724	291.748.724
		Bán hàng hóa, dịch vụ khác	196.387.012	13.886.287
Tổng			123.660.827.206	120.848.725.865

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch khác với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
Cổ tức được chia			13.999.350.000	12.802.350.000
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Cổ tức	6.375.000.000	6.375.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Cổ tức	3.570.000.000	3.927.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	1.224.000.000	-
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Cổ tức	1.836.000.000	1.836.000.000
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	Cổ tức	514.350.000	514.350.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Cổ tức	480.000.000	150.000.000

e. Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		145.648.293.501	129.571.072.401
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	30.691.473	30.355.596
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	-	911.296.980
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	-	6.041.349.386
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	28.185.100.452	37.449.474.753
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	27.062.186.236	16.735.392.170
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	7.779.000.000	6.807.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	46.125.936.293	27.688.804.348
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	518.108.589	12.394.523
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	14.036.000	14.036.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	34.406.715.436	32.751.585.276
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	886.792.022	489.656.369

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND (Trình bày lại)
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		79.176.434.251	70.558.201.971
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	403.310.873	2.201.297.279
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	-	168.892.206
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	15.534.049.045	14.957.667.236
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	4.282.161.906	712.161.906
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	14.872.835.043	14.486.040.524
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	6.390.095.808	15.095.808
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	1.580.071.717	1.680.637.546
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	916.360.718	916.360.718
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	26.259.359.027	26.259.359.027
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	6.637.065.944	6.212.197.453
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	71.862.106	71.862.106
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	480.060.000	1.000.060.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	1.519.993.027	1.519.993.027
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	229.209.037	356.577.135
<u>Phải thu khác dài hạn</u>		25.530.555.553	25.530.555.553
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	830.555.553	830.555.553
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	12.700.000.000	12.700.000.000
<u>Trả trước người bán ngắn hạn</u>		89.710.493.596	88.867.458.376
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	66.658.813.784	63.340.523.665
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	15.854.515.262	16.592.838.171
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	6.088.797.788	8.000.000.000
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	174.270.222	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	934.096.540	934.096.540

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND (Trình bày lại)
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		71.771.844.993	63.738.333.262
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	3.607.612.558	886.486.156
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	1.308.081.053	2.092.323.777
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	734.402.175	8.804.289.268
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	8.108.552.630	9.070.392.855
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	22.475.269.087	9.029.407.048
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	22.806.205.055	20.148.418.233
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	-	6.448.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	10.049.743.999	8.103.521.083
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	3.000	3.753.743.808
Công ty Cổ phần NBC Logistics	Công ty liên kết	105.907.855	11.428.636
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	1.269.848.194	1.269.848.194
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết	304.429	304.429
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	1.300.414.958	556.221.775
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		5.656.096.894	6.898.884.489
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	3.050.858.382	4.274.858.382
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	3.747.794	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	603.693.296	626.228.685
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	1.997.797.422	1.997.797.422
<u>Doanh thu chưa thực hiện</u>		3.169.932.814	3.218.559.076
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	3.169.932.814	3.218.559.076

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyền

Nguyễn Ngọc Lân

T.C.P

M